

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:15/2018/HS-ST
Ngày: 23-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trịnh Hữu Vĩnh

2/ Ông Cao Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 09 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với:

* Bị cáo Kiều Xuân T – Sinh năm: 1988, tại: Hà Nội;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kiều Minh M – sinh năm 1963 và bà Phạm Thị M– sinh năm 1963; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 10/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C - tỉnh L xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tiền sự: không.

Về nhân thân: Ngày 08/01/2007 bị Công an huyện C – tỉnh L xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/7/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh L. “*Có mặt*”.

* Bị hại: Chị Trần Thị N – Sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6 – thị trấn Đ– huyện Đ– tỉnh L. (*Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 31/5/2018, Kiều Xuân T điều khiển xe mô tô biển số 49S7-8941 đi từ TP. Bảo Lộc về huyện C - L. Khi đến Tổ dân phố 6 - TT. Đa'Mri – huyện Đa Huoai, T vào quán cà phê Hoàng Diệu của chị Trần Thị N uống cà phê. Trong thời gian ở quán, T phát hiện cháu Nguyễn Hoàng Thu (con gái của chị N) đang cầm một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37fw của chị N chơi trò chơi điện tử. Sau đó, cháu Thu để điện thoại trên bàn ở quán rồi đi chỗ khác chơi, lúc này tại quán không có ai trông coi. Thấy vậy, T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại và đi đến bàn lấy điện thoại nhãn hiệu Oppo A37fw bỏ vào trong túi quần rồi lên xe mô tô chạy về hướng đi tỉnh Đồng Nai. Khi phát hiện bị mất điện thoại, chị N đã trình báo. Khi T điều khiển xe mô tô biển số 49S7-8941 đến địa phận TT. Madaguoi – huyện Đa Huoai thì bị lực lượng Công an huyện Đa Huoai yêu cầu dừng xe, kiểm tra và phát hiện trên người của T có 01 điện thoại Oppo A37fw mà T đã chiếm đoạt của chị N.

Theo kết luận định giá số 14/KI - HĐĐG ngày 01/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đa Huoai xác định chiếc điện thoại di động Oppo A37fw có giá trị là 2.632.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS-ĐH ngày 13/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh L truy tố bị cáo Kiều Xuân T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoai giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- * Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kiều Xuân T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

- * Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Trần Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét về trách nhiệm dân sự.

- * Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô biển số 49S7- 8941 và kèm theo 01(một) giấy đăng ký mô tô biển số 49S7- 8941 mang tên K'Diệp A, đây là chiếc xe của bị cáo T, bị cáo không sử dụng vào mục đích làm phương tiện phạm tội, cần trả lại cho bị cáo T; 01(một) giấy chứng minh nhân dân số 250643822 mang tên Kiều Xuân T, đây là chứng minh nhân dân của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo T.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đa Huoai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội: Lời khai nhận của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 31/5/2018, bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại Oppo A37fw của chị Trần Thị N có trị giá 2.632.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, do vậy cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Ngoài ra, xét thấy trong thời gian điều tra, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Bản thân bị cáo T vào năm 2007 đã bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, năm 2015 bị cáo bị xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 31/5/2018 bị cáo lại tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và sau thời gian bỏ trốn bị cáo đã ra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Trần Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37fw. Xét thấy đây là tài sản của bà Trần Thị N nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N là phù hợp.

- 01 (một) xe mô tô biển số 49S7- 8941, xe đang sử dụng, số máy 150FM*00120210, số khung DR100*00120210; 01(một) giấy đăng ký mô tô biển số 49S7- 8941 mang tên K'Diệp A và 01(một) giấy chứng minh nhân dân số: 250643822 mang tên Kiều Xuân T. Xét thấy, đây những tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo T là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Kiều Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Kiều Xuân T 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 7 năm 2018.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) xe mô tô biển số 49S7- 8941, xe đang sử dụng,

số máy 150FM*00120210, số khung DR100*00120210; 01(một) giấy đăng ký mô tô biển số 49S7- 8941 mang tên K'Diệp A và 01(một) giấy chứng minh nhân dân số: 250643822 mang tên Kiều Xuân T. Hiện những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/9/2018.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử theo thủ tục phúc thẩm; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện Đạ Huoai;
- Công an huyện Đạ Huoai;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Hữu Vĩnh

Dương Văn Hùng

Cao Anh Tuấn